

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 26/3/2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Trầm

2. Bà Nguyễn Thị La

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 - Nhân viên Công ty Cổ phần S - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2024, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/10/2023, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng mua bán tài sản. Cụ thể: Tài sản mua bán: 01 xe mô tô biển kiểm soát 74F1-316.17; loại xe: SH125I; màu: Trắng, bạc, đen; số khung: RLHJF7309KY047877; số máy JF73E0180388; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025218 do Công an tỉnh Q cấp ngày 08/11/2019; giá bán:

62.607.510 đồng; thời hạn thanh toán là 18 tháng (04/10/2023 - 04/04/2025), số tiền ông T phải trả mỗi tháng là 3.478.195 đồng.

Công ty Cổ phần S đã tiến hành giao xe cho ông Nguyễn Văn T. Quá trình trả dần tiền mua xe, ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán đã ký kết. Tính đến ngày 26/03/2025, ông Nguyễn Văn T chỉ thanh toán cho công ty số tiền là 7.316.000 đồng.

Vì vậy, tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S đã yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 74F1-316.17, loại xe: SH125I, số khung: RLHJF7309KY047877, số máy JF73E0180388, theo Hợp đồng mua bán đã ký với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) ngày 04/10/2023. Trường hợp ông T không trả lại xe thì phải thanh toán cho Công ty số tiền là 60.659.721 đồng, trong đó tiền mua xe còn lại là 55.651.120 đồng, phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 5.008.601 đồng và còn tiếp tục trả phí chậm thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế thanh toán không đúng hạn cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Cổ Phần S Có Ngay xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T tổng thanh T1 cho Công Ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền mua xe còn nợ lại là 25.674.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản tiền này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 74F1-316.17, loại xe: SH 125I, số khung: RLHJF7309KY047877, số máy JF73E0180388, theo Hợp đồng mua bán đã ký với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) ngày 04/10/2023.

- Rút yêu cầu trả phí thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông T không trình bày ý kiến gì và đã vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt

bị đơn là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền còn nợ là 25.674.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần S Có Ngay, nếu ông T không trả tiền hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số nợ còn phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 04/10/2023, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng mua bán tài sản. Tài sản mua bán là 01 xe mô tô biển kiểm soát 74F1-316.17; loại xe: SH125I; màu: Trắng, bạc, đen; số khung: RLHJF7309KY047877; số máy JF73E0180388; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025218 do Công an tỉnh Q cấp ngày 08/11/2019; giá bán: 62.607.510 đồng; thời hạn thanh toán là 18 tháng (04/10/2023 - 04/04/2025). Theo cam kết tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký, hàng tháng ông T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 3.478.195 đồng, trường hợp thanh toán không đúng hạn thì phải trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 3,5% trên dư nợ thực tế đã quá hạn

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại các phiếu thu ngày 30/11/2023, ngày 06/02/2024 tổng số tiền ông T đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay là 7.316.000 đồng.

Xét, đối với số tiền 25.674.000 đồng mà Công ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả, thấy rằng theo Hợp đồng mua bán tài sản ngày 04/10/2023 đã ký kết thì ông T phải thanh toán cho công ty số tiền 62.607.510 đồng, ông T đã thanh toán số tiền 7.316.000 đồng, nhưng tại phiên tòa công ty chỉ yêu cầu ông T trả thêm số tiền là 25.674.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản tiền này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

Dân sự. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền mà Công ty Cổ Phần S Có Ngay yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả là phù hợp với nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết nên cần chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông T phải trả cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền 25.674.000 đồng theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 74F1-316.17, loại xe: SH 125I theo Hợp đồng mua bán đã ký với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) ngày 04/10/2023 và rút yêu cầu trả phí thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn, xét việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy, cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả, cụ thể: 25.674.000 đồng x 5% = 1.284.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 25.674.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 74F1-316.17, loại xe: SH 125I, số khung: RLHJF7309KY047877, số máy

JF73E0180388 và yêu cầu trả phí thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.284.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.517.000 đồng (Một triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai số 0000257 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Đương sự;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương